



INSTITUTE FOR BRAND
AND COMPETITIVENESS
STRATEGY

VIBIZ.VN
Vietnam Business Monitor

BÁO CÁO NGÀNH TRỒNG TRỌT VIỆT NAM TRONG QUÝ I NĂM 2018

I. Tổng quan ngành trồng trọt Việt Nam quý I năm 2018

Theo Cục trồng trọt (Bộ NN và PTNT), nông nghiệp đã có bước **“chạy đà”** hết sức ấn tượng với mức tăng trưởng **GDP toàn ngành quý I/2018 đạt 4,05%, cao nhất 13 năm qua**. Đây có thể xem là **“cánh én đầu Xuân”** mang tín hiệu lạc quan cho toàn ngành tiếp tục cất cánh, hướng tới mục tiêu **tăng GDP từ 2,9 đến 3,05% cho cả năm 2018**.

Dựa theo số liệu điều tra của Tổng cục thống kê, Bộ NN và PTNT công bố các số liệu thống kê ngành nông nghiệp của nước ta trong quý 1 năm 2018. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2018 ước đạt 189,5 nghìn tỉ đồng, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong đó, **nông nghiệp tăng 3,92% (trong đó trồng trọt tăng 5,16%)**; lâm nghiệp tăng 5,15% và thủy sản tăng 4,96%.

Ngành trồng trọt là ngành **sản xuất và cung cấp lương thực, thực phẩm** cho con người. Phát triển ngành trồng trọt sẽ nâng cao mức sản xuất và tiêu dùng lương thực, thực phẩm bình quân trên đầu người, tạo cơ sở phát triển nhanh một nền nông nghiệp toàn diện.

Cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt bao gồm những nội dung như: cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt theo ngành, cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt theo vùng kinh tế lãnh thổ và cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt theo thành phần kinh tế. Tất cả những nội dung đó gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó cơ cấu ngành giữ vai trò là hạt nhân.

Ngành trồng trọt bao gồm các tiểu ngành sản xuất, chuyên môn hoá như: sản xuất lương thực, sản xuất cây công nghiệp, sản xuất cây ăn quả, sản xuất rau... Chúng được hình thành trên cơ sở phân công lao động trong quá trình sản xuất. Các tiểu ngành các bộ phận sản xuất trong ngành trồng trọt chúng phát triển và kết hợp với nhau theo một tỷ lệ nhất định tạo thành cơ cấu ngành trồng trọt. Nhưng dựa trên các cơ sở điều tra thực tế hoạt động của ngành trồng trọt trong 3 tháng đầu năm 2018 của Bộ NN và PTNT trên địa bàn các tỉnh, thành phố thì cơ cấu cây trồng nông nghiệp hiện tại các địa phương chủ yếu là cây lúa nước, ngô, khoai lang, sắn, các loại rau, đậu tương, lạc,

Theo Bộ NN và PTNT nhiệm vụ chủ yếu của ngành trồng trọt trong quý I năm 2018 là tập trung thu hoạch các loại cây trồng vụ Đông tại các tỉnh phía Bắc, gieo trồng lúa và cây trồng khác vụ Đông Xuân, đồng thời thu hoạch lúa Đông Xuân sớm tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

II. Tình hình sản xuất và kinh doanh các loại cây trồng trong quý I năm 2018 trên địa bàn cả nước

Dựa vào sự sát sao chỉ đạo của Bộ NN và PTNT đã phối hợp với các địa phương chỉ đạo chặt chẽ mùa vụ, bố trí cơ cấu giống, cơ cấu sản xuất theo hướng phát huy lợi thế của địa phương, vùng miền gắn với nhu cầu thị trường và thích ứng với thời tiết khí hậu;

tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; khẩn trương khôi phục lại sản xuất sau thiên tai; tăng cường kiểm soát và phòng chống dịch bệnh. Vì vậy, sản lượng nhiều loại nông sản tăng mạnh trong điều kiện thiên tai khắc nghiệt, đáp ứng dồi dào nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Cơ cấu sản phẩm đã chuyển mạnh theo hướng tăng tỷ trọng các ngành hàng, sản phẩm có lợi thế và thị trường thuận lợi.

Theo Cục Trồng trọt, bên cạnh yếu tố thuận lợi từ thị trường lúa gạo thế giới, xu hướng đưa các giống lúa chất lượng cao, nhất là giống lúa có xác nhận vào sản xuất, đẩy mạnh các giải pháp thâm canh cũng là yếu tố giúp sản xuất lúa gạo của nước ta đang ngày càng đi vào đúng guồng của thị trường lúa gạo thế giới

(năm 2017, trong cơ cấu gạo XK, đã có 81% là gạo chất lượng cao). Dự báo, **sản lượng gạo XK năm 2018 của Việt Nam có thể đạt 6,5 triệu tấn** (so với mức khoảng 6 triệu tấn năm 2017).

Từ kết quả dự báo của ngành lúa gạo năm 2018 cho chúng ta có thể nhận thấy rõ sự quan trọng của cây lúa nước nói riêng và nhóm cây lương thực nói chung trong ngành trồng trọt nước ta hiện nay.

1. Tình hình sản xuất cây lương thực trên địa bàn các vùng trên cả nước trong quý I năm 2018

Theo điều tra số liệu thống kê tình hình sản xuất cây lương thực trên địa bàn các tỉnh từ Bắc vào Nam của Tổng cục thống kê, Bộ NN và PTNT đã đưa ra kết luận về tình hình gieo cấy và thu hoạch cây lúa nước trên địa bàn các vùng,

Bảng 2.1: Tình hình gieo cấy và thu hoạch cây lúa nước trên địa bàn các vùng trong quý I năm 2018

Danh mục	15 tháng 1		So sánh 2018/2017 (%)	Tháng 2		So sánh 2018/2017 (%)	15 tháng 3		So sánh 2018/2017 (%)
	2017	2018		2017	2018		2017	2018	
1. Gieo cấy lúa đông xuân cả nước	1.957,80	1.862,10	95,1	2.849,40	2.860,20	100,4	3.036,30	3.065,50	101
+ Miền Bắc	92,7	56,5	61	932,3	907,1	97,3	1.110,40	1.097,40	98,8
Vùng ĐBSH	7,6	8,7	114,4	438,2	442	100,9	535,9	528,9	98,7
Vùng Trung du và MN phía Bắc	8,1	8,6	105,5	161,5	138,9	86	228,8	216,3	94,5
Vùng Bắc Trung bộ	77	39,3	51	332,6	326,3	98,1	345,7	352,3	101,9
+ Miền Nam	1.865,10	1.805,60	96,8	1.917,10	1.953,10	101,9	1.925,90	1.968,10	102,2
Vùng D.H Nam Trung bộ			78	226,2	232,8	102,9	229,6	234,7	102,2
Vùng Tây Nguyên	348,7	271,8		80,2	79,4	99	82	82,7	100,9
Vùng Đông Nam Bộ				72,6	76,9	106	77,1	77,7	100,8
Vùng ĐBSCL	1.516,40	1.533,80	101,1	1.538,10	1.563,90	101,7	1.555,70	1.572,90	101,1
2. Thu hoạch lúa đông xuân ở miền Nam	-	-	-	464,8	249,2	53,6	1.005,30	680	67,6
Vùng ĐBSCL	-	-	-	462,7	248,4	53,7	971,4	668,2	68,8

Nguồn: Theo Bộ NN và PTNT

miền trong quý I năm 2018 (thống kê từ 15/1/2018 đến 15/3/2018) cho ta thấy, các tỉnh miền Bắc và miền Nam đang trong thời kì gieo cấy vụ lúa đông xuân năm 2018, đồng thời một số tỉnh trên địa bàn miền Nam đang trong quá trình thu hoạch lúa đông xuân năm 2018.

- Diện tích gieo cấy lúa đông xuân năm 2018 được tính **từ 15 tháng 1 đến ngày 15 tháng 3 năm 2018**, cả nước đã gieo cấy được 3.065,5 nghìn ha, bằng 101% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.097,4 nghìn ha, bằng 98,8%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1.968,1 nghìn ha, bằng 102,2%.

- Gieo cấy lúa đông xuân tại các địa phương **phía Bắc** cơ bản đã **hoàn thành**, chỉ còn một phần nhỏ diện tích ở khu vực miền núi phía Bắc do ảnh hưởng của rét đậm,

rét hại đầu vụ nên đang tiếp tục được gieo cấy. Diện tích gieo cấy tại các tỉnh Bắc Trung Bộ **ít hơn 37,7 nghìn ha** (so với cùng kỳ năm 2017) trong **tháng 1**.

- Tại các địa phương phía Nam, diện tích gieo trồng lúa đông xuân 2018 tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 1 năm 2018, diện tích gieo cấy lúa đông xuân chủ yếu tập trung trên địa bàn vùng ĐBSCL, **chiếm 84,9%** (tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2017) trên tổng diện tích gieo cấy lúa đông xuân ở miền Nam. Trong tháng 2 các tỉnh miền Nam đều tăng diện tích xuống giống đại trà trên ở các địa phương, trong đó chỉ có các tỉnh vùng Tây Nguyên có diện tích gieo cấy lúa đông xuân tháng 3 năm 2018 giảm 0,8 nghìn ha so với cùng kỳ năm 2017.

Đến thời ngày 15 tháng 3 năm 2018, phần lớn diện tích lúa đang trong giai đoạn làm đòng, trổ và chín. Trong đó, có **680 nghìn ha đã cho thu hoạch, chiếm 34,5% diện tích xuống giống và bằng 67,6% so cùng kỳ**. Các tỉnh miền Nam **có tiến độ gieo cấy giảm là do mùa lũ cuối năm 2017** nước rút chậm, kết hợp mưa nhiều và triều cường làm cho vụ đông xuân 2018 xuống giống kéo dài và chậm lịch thời vụ. Ước tính toàn vùng ĐBSCL gieo cấy được **1.573 nghìn ha**, tương đương cùng kỳ năm ngoái; năng suất ước đạt 65,2 tạ/ha, tăng 2,7 tạ/ha, tăng 4,3%; sản lượng ước đạt gần 10,3 triệu tấn, tăng 388,8 nghìn tấn, tương đương tăng 3,9%.

*Diện tích thu hoạch lúa đông xuân (lúa mùa) năm 2018 của nước ta 100% **diễn ra trên địa bàn các tỉnh miền Nam** rải rác từ đầu tháng 2 đến 15 tháng 3.

Các tỉnh ĐBSCL đã hoàn tất công tác thu hoạch lúa mùa 2018. Theo số liệu điều tra, diện tích toàn vùng đạt **197,3 nghìn ha, năng suất đạt 46,1 tạ/ha, sản lượng đạt 909,6 nghìn tấn.** So với vụ mùa năm 2017, diện tích lúa mùa **tăng 9,3 nghìn ha,** năng suất tăng 7,4 tạ/ha, sản lượng tăng 182,8 nghìn tấn. Diện tích lúa mùa 2018 tăng chủ yếu ở tỉnh **Kiên Giang 11,2 nghìn ha** do không bị ảnh hưởng bởi nhiễm mặn như những năm trước và ở **tỉnh Cà Mau tăng 5,8 nghìn ha** trên diện tích **gieo trồng lúa tôm** do trồng lúa trên đất nuôi tôm giúp cải thiện môi trường nước, cân bằng hệ sinh thái, hạn chế dịch bệnh và giảm rủi ro cho tôm nuôi. Năng suất lúa mùa tăng do thời tiết năm nay có mưa nhiều, nguồn nước trên thượng nguồn đổ về sớm hơn mọi năm, nên việc làm đất rửa mặn gặp nhiều thuận lợi,

kết hợp hệ thống cống ngăn mặn cũng được chính quyền các cấp đầu tư nâng cấp, chủ động đóng, dỡ thường xuyên, đảm bảo nguồn nước không bị ảnh hưởng đến sản xuất. Dự báo tình hình thu hoạch lúa đông xuân của Cục Trồng trọt (Bộ NN và PTNT), ước sản lượng lúa đông xuân 2017 - 2018 toàn vùng đạt **trên 10,7 triệu tấn, tăng hơn 1,1 triệu tấn** so với đông xuân 2016 - 2017. Theo đánh giá, đây là vụ đông xuân có **năng suất lúa cao nhất trong nhiều năm trở lại đây,** với mức bình quân của toàn vùng ước đạt 67,01 tạ/ha, tăng 4,54 tạ/ha so với cùng kỳ năm 2016. Không chỉ tăng mạnh về năng suất và sản lượng, giá gạo XK tại vựa lúa ĐBSCL ở vụ đông xuân năm 2018 tiếp tục ghi nhận những khởi sắc, với mức tăng trung bình từ 700 - 1.000 đồng/kg (tùy từng loại lúa),

giúp nông dân có lợi nhuận khoảng 22 - 26 triệu đồng/ha, **cao hơn 10 - 12 triệu đồng/ha** so với vụ đông xuân trước và **cơ bản đạt mức lãi trên 30%.**

Trên địa bàn cả nước, không chỉ có cây lúa nước được gieo trồng chính trong vụ đông xuân mà các cây thuộc nhóm ngành lương thực cũng được xuống giống trong giai đoạn này. Trong các cây lương thực tại nước ta thì nhóm cây màu lương thực lấy hạt (ngô) và lấy củ (khoai lang, sắn) là chủ lực.

Bảng 2.2: Tình hình sản xuất cây màu lương thực trên địa bàn cả nước trong quý I năm 2018

Danh mục	15 tháng 1		So sánh 2018/2017 (%)	Tháng 2		So sánh 2018/2017 (%)	15 tháng 3		So sánh 2018/2017 (%)
	2017	2018		2017	2018		2017	2018	
Ngô	174,8	147,8	84,6	239,4	211,7	88,4	361,5	349,1	96,6
Khoai lang	44,5	33,2	74,7	47	49,1	104,4	65,3	57,5	97
Sắn	80,2	58,3	72,7	80,9	83,1	102,8	113,4	104,8	92,4
Tổng trồng cây màu lương thực	304,9	241,9	79,4	371,7	344,5	92,7	545,5	459,8	84,3

Nguồn: Theo Bộ NN và PTNT

Trong quý I năm 2018, cả nước có **tổng lượng cây màu lương thực** được gieo trồng là 459,8 nghìn ha, **giảm 15,7%** so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, cả nước đã gieo trồng được 349,1 nghìn ha ngô, bằng 96,6% cùng kỳ năm trước. Diện tích khoai lang được trồng tại các địa phương là 57,5 nghìn ha, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2017. Diện tích sắn được trồng trên địa bàn cả nước là 104,8 nghìn ha, bằng 92,4% so với cùng kỳ trước.

Quý I năm 2018, diện tích các cây màu lương thực có **xu hướng thu hẹp diện tích gieo trồng**. Ở thời điểm 15 tháng 1, các cây màu lương thực được gieo trồng giảm 20,6%; trong đó **cây sắn có diện tích giảm (27,3%) mạnh nhất** so với cùng kỳ năm trước. Sang đến tháng 2,

diện tích gieo trồng từng loại **cây màu lương thực có sự tăng nhẹ nhưng xét về tổng thể thì diện tích cây màu lương thực vẫn bị giảm 7,3%** so với cùng kỳ năm 2017. Đến trung tuần tháng 3, diện tích các cây lương thực vẫn tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân sụt giảm các cây màu lương thực chủ yếu là do chịu ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết gây ra, tại các tỉnh miền Bắc (nơi có thế mạnh về sản xuất cây màu lương thực) **xuất hiện mưa bão, lũ lụt trên diện rộng**. Hơn nữa, nhóm cây màu lương thực **không đem lại giá trị cao đối với các ngành sản xuất phi nông nghiệp**, dẫn đến nhiều lao động không còn thiết tha với sản xuất vụ đông.

2. Tình hình sản xuất các cây trồng khác trên địa bàn cả nước trong quý I năm 2018

Theo tình hình điều tra sản xuất ngành trồng trọt trong quý I năm 2018, thời gian 3 tháng là đoạn thời gian ngắn đối với các loại cây trồng nên chúng ta chỉ có thể thấy được các bước chuyển động của các nhóm cây nông nghiệp ngắn ngày như: cây rau, các loại đậu, cây công nghiệp ngắn ngày.

Bảng 2.3: Tình hình sản xuất các loại cây trồng ngắn ngày trên địa bàn cả nước trong quý I năm 2018

Danh mục	15 tháng 1		So sánh 2018/2017 (%)	Tháng 2		So sánh 2018/2017 (%)	15 tháng 3		So sánh 2018/2017 (%)
	2017	2018		2017	2018		2017	2018	
Đậu tương	18,1	8	44,1	21,3	13,5	63,2	31,6	28	88,4
Lạc	25,1	24	95,5	79,8	77,8	97,4	124,6	126,1	101,2
Tổng gieo cây CN ngắn ngày	272,9	269	98,6	162,3	151,9	93,6	233,6	234,1	100
Tổng gieo rau, đậu các loại	313,4	326,8	104,3	374,9	396,5	105,8	481,6	464,2	96,4

Nguồn: Theo Bộ NN và PTNT

Theo tài liệu báo cáo tình hình canh tác và sản xuất các loại cây trồng ngắn ngày trong quý I năm 2018 ta thấy, tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày ở **2 tháng đầu năm có xu hướng thu hẹp** nhưng sang đến **trung tuần tháng 3** thì diện tích canh tác lại được **phục hồi và gia tăng rất nhẹ (0.2%)** hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Ở chiều ngược lại, nhóm các loại rau, đậu các loại lại có xu hướng gieo trồng gia tăng từ 4,3% đến 5,8% ở 2 tháng đầu năm và sụt giảm (3,6%) khi sang tháng 3. Trong các loại cây nông nghiệp ngắn ngày thì **cây đậu tương là cây trồng có xu hướng thu hẹp diện tích nhanh nhất**. Ở tháng thời điểm 15 tháng 1, diện tích đậu tương **giảm 55,9%** so với cùng kỳ, nhưng sang đến 2 tháng tiếp theo thì diện tích canh tác đậu tương **đang trên đà phục hồi** (tính đến thời điểm 15 tháng 3 bằng 88,4%) so với năm 2017.

Nguyên nhân giảm sút của các nhóm cây nông nghiệp ngắn ngày vụ đông xuân 2018 là do ảnh hưởng của **cơn bão số 10 từ ngày 14 - 16/9/2017**, tiếp đến là ảnh hưởng của **áp thấp nhiệt đới từ 09 - 12/10** gây ra mưa lớn, lũ lụt trên diện rộng ở hầu hết các tỉnh Bắc bộ làm nhiều diện tích mới trồng bị thiệt hại, có diện tích phải gieo trồng lại từ đầu; hoặc có những cây như cây đậu tương, **đợt khi thời tiết ổn định, đất ráo thì không thể gieo trồng do quá thời vụ**. Đồng thời, một phần nguyên nhân dẫn đến xu thế giảm diện tích cây nông nghiệp ngắn ngày là do lợi nhuận của nhóm ngành này **chưa đem lại giá trị kinh tế cao** cho bà con nông dân khi canh tác.

Theo Tổng cục Thống kê, quý I năm 2018, sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm đã thu hoạch.

Sản lượng **chè búp ước đạt 42,2 nghìn tấn, tăng 2,4%** so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng **hồ tiêu ước đạt 76,3 nghìn tấn, tăng 9,8%**. Sản lượng **cao su mũ khô ước đạt 114,6 nghìn tấn, tăng 1,8%**. Sản lượng **điều ước đạt 201 nghìn tấn tăng 30%**. Sản lượng **tiêu có mức tăng trưởng khá** là do một phần diện tích tiêu năm trước được đầu tư trồng mới đã cho sản phẩm; sản lượng điều tăng trưởng cao là do năm 2017 điều mất mùa do mưa trái vụ đầu mùa.

Đồng thời, **nhóm cây ăn quả một số loại mới cho thu hoạch đạt sản lượng tăng khá**, trong đó: xoài ước đạt 194,8 nghìn tấn, tăng 6,9%; chuối ước đạt 561,1 nghìn tấn, tăng 1,9%; dứa ước đạt 145,1 nghìn tấn, giảm 0,1%; cam, quýt ước đạt 284 nghìn tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2017.

3. Tình hình xuất khẩu các mặt hàng nông sản của ngành trồng trọt trong quý I năm 2018

Với mức tăng trưởng 5,16%, trồng trọt là lĩnh vực đóng góp nhiều “điểm sáng” nhất trong quý I/2018, tạo động lực giúp ngành đạt mức tăng trưởng cao. Riêng mặt hàng lúa gạo, hết quý I/2018 sản lượng lúa cả nước ước đạt khoảng 11,18 triệu tấn, tăng 571,6 nghìn tấn so với cùng kỳ năm ngoài (tăng 5,4%). Đáng mừng hơn, giá gạo XK có xu hướng tăng mạnh nhờ chất lượng gạo Việt Nam đang tăng lên (năm 2017, trong cơ cấu gạo XK chiếm 81% là gạo chất lượng cao). Dự báo, năm nay Việt Nam có khả năng XK được 6,5 triệu tấn gạo.

VTheo Cục trồng trọt (Bộ NN và PTNT), ngành trồng trọt hiện nay không chỉ tăng mạnh về sản xuất trong nước mà việc XK nhiều sản phẩm của ngành tiếp tục bứt phá mạnh mẽ, đặc biệt là nhóm hàng rau quả trong những tháng đầu năm 2018. Tính đến ngày 15/4/2018, kim ngạch XK **mặt hàng rau quả của Việt Nam đã cán mốc gần 1,15 tỉ USD, đứng thứ 4 trong số các mặt hàng nông lâm thủy sản XK**, đồng thời là một trong 4 mặt hàng nông lâm thủy sản có kim ngạch XK vượt 1 tỉ USD tính đến giữa tháng 4/2018 (cùng với gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản và cà phê). Riêng quý I/2018, kim ngạch XK rau quả đã đạt 950 triệu USD, tăng 35,6% so với cùng kỳ.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ **GDP quý I năm 2018 là lớn nhất so với 13 năm** gần đây,

một số lĩnh vực của nông nghiệp Việt Nam vẫn đang tồn tại, phát sinh nhiều vấn đề lớn. Trong đó các lỗ hổng của lĩnh vực nông nghiệp thì không thể không nói đến ngành trồng trọt, một số **nhóm nông sản chính** mà Việt Nam xuất khẩu sang các nước trên thế giới có những **tín hiệu đáng lo ngại**, không góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững của ngành xuất khẩu nông sản nước ta hiện nay.

Theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, sự biến động về tài chính, thương mại của các thị trường lớn trên thế giới có tác động bất lợi là nguyên nhân lớn khiến một số mặt hàng XK của Việt Nam bị giảm về kim ngạch và sản lượng thời gian qua.

Nguồn cung cà phê trên thế giới dồi dào do **được mùa trong niên vụ 2018 khiến cà phê tụt giá mạnh**.

Không chỉ vậy, một số mặt hàng như **cao su lại tụt mạnh về “cầu”**, nhất là thị trường Trung Quốc khiến một số nước trong khu vực Đông Nam Á hiện nay cũng đang điều chỉnh giảm dần diện tích cao su.

Đối với **hồ tiêu**, việc Việt Nam chiếm tới trên 60% thị phần quốc tế, lại, trong khi việc chế biến, bảo quản có hạn khiến chất lượng hồ tiêu chưa cao là **tăng mạnh về diện tích thời gian qua (gấp 3 lần quy hoạch)** nguyên nhân cốt lõi khiến XK hồ tiêu đầu năm 2018 khá ảm đạm. Đối với XK chè, việc một số thị trường truyền thống như **Đài Loan, Trung Quốc ngày càng siết chặt về kiểm soát chất lượng** cũng đang đặt ra cho ngành chè Việt Nam nhiều bài toán cần phải cải tổ mạnh mẽ thời gian tới...

4. Tình hình tiêu thụ các sản phẩm nông sản của ngành trồng trọt trong quý I năm 2018 trên địa bàn cả nước

Tình hình tiêu thụ các sản phẩm nông sản trong nước của ngành trồng trọt trong quý I năm 2018 có diễn biến khá phức tạp giữa các nhóm cây trồng khác nhau.

Đối với cây chủ lực là lúa gạo: **giá lúa tại ĐBSCL diễn biến theo xu thế tăng** trong bối cảnh nguồn cung khan hiếm. Lúa thường IR50404 tại An Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang tăng từ 200 – 300 đ/kg, hiện phổ biến ở mức 5.300 – 5.400 đ/kg đối với lúa đông xuân; các loại lúa chất lượng cao cũng tăng từ 300 – 400 đ/kg tùy loại.

Thị trường nông sản của nhóm cây công nghiệp lâu năm và sản phẩm đã qua chế biến của nó của nước ta như sau:

Cà phê trong nước: giá cà phê tăng trong 2 tháng đầu năm và giảm trong tháng cuối cùng của quý. So với cuối năm 2017, **giá cà phê nội địa giảm 100 - 300 đồng/kg.**

Giá cao su nguyên liệu trong nước diễn biến giảm trong tháng 3/2018 cùng với xu thế của thị trường cao su thế giới. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá mủ cao su nguyên liệu tại Đồng Nai ở mức 13.000 đồng/kg, giảm 200 đ/kg so với cuối tháng 2/2018.

Chè nguyên liệu trong nước không có biến động quá mạnh do nguồn nguyên liệu đủ để cung cấp cho nhu cầu cùng với những kế hoạch thực hiện bình ổn giá các mặt hàng có nhu cầu cao vào thời điểm giáp Tết.

Giá hồ tiêu có xu hướng giảm với mức giảm là 17.000 – 19.000 đồng/kg so với thời điểm cuối năm 2017.

Giá điều khô mua xô tại Đồng Nai giảm 1.500 đồng/kg, từ 42.000 đồng/kg xuống 40.500 đ/kg, trong khi giá điều nhân tại Bình Phước tăng 10.000 đ/kg so với thời điểm đầu năm.

Ngoài ra, nhóm **thị trường trái cây và rau củ cũng biến động tăng giảm thất thường bởi tính thời vụ** cũng như sự tác động của nhu cầu tăng cao khi vào những dịp nghỉ lễ Tết.

III. Kết luận

Thông qua báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quý I năm 2018 cho biết sự tăng trưởng vượt bậc của nông nghiệp Việt Nam trong 3 tháng đầu năm này có sự đóng góp không hề nhỏ của ngành trồng trọt.

Ngành trồng trọt là nhóm ngành có thời gian hình thành và phát triển song song cùng bề dày lịch sử của nước ta.

Theo Bộ NN và PTNT, với đà tăng trưởng của quý I năm 2018, ngành Nông nghiệp nước ta **có tự tin và có cơ sở khi đặt mục tiêu đạt hoặc cao hơn** đối với một số chỉ tiêu trước đó đặt ra cho năm 2018.

Cụ thể, tốc độ tăng giá trị sản xuất toàn ngành phấn đấu đạt từ 3 - 3,25% (so với chỉ tiêu Chính phủ giao từ 2,8 - 2,9%), trong đó **trồng trọt tăng khoảng 2,5%**, chăn nuôi 2,3%, thủy sản 5,29% và lâm nghiệp khoảng 6%; kim ngạch XK nông lâm thủy sản đạt 40,5 - 41 tỉ USD (so với 38 - 39 tỉ USD được giao).

Để thực hiện được các chỉ tiêu này, Bộ NN và PTNT đã đề xuất ra 7 giải pháp căn cơ, chi tiết, có tính khả thi cao, trong đó, giải pháp về thị trường nông sản,

đẩy mạnh XK đã được xác định là giải pháp ưu tiên nhất của toàn ngành trong năm 2018.

Mặc dù vậy, với một lĩnh vực có nhiều rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, quãng thời gian từ nay đến cuối năm 2018 sẽ còn vò vòn những khó khăn đang chờ đón ngành nông nghiệp.

Những tháng “trời yên biển lặng” sắp kết thúc, mùa mưa bão trên cả nước đã bắt đầu. Ngay trong tháng 3/2018, trận mưa đá kèm gió lốc quét qua các tỉnh miền núi phía Bắc đã gây những thiệt hại nghiêm trọng cho nông nghiệp và tài sản. Bên cạnh mối lo về thiên tai, nhiều loại nông sản, thủy sản Việt Nam đang ngày càng chịu những rào cản lớn hơn từ các thị trường XK. Đây là những thách thức lớn mà toàn ngành phải nỗ lực hết sức để nhắm tới mục tiêu đã đề ra.



**INSTITUTE FOR BRAND
AND COMPETITIVENESS
STRATEGY**

Add: Floor 3, House C, La Thanh Guesthouse,
218 Doi Can, Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi
Phone: 02462919137
Email: info@bcsi.edu.vn

VIBIZ.VN

Vietnam Business Monitor

Add: R401, Narenca Building,
85 Nguyen Chi Thanh St, Dong Da Dist, Hanoi
Phone: (+844) 62913648
Cell : (+84) 962 526 886
Email : info@vibiz.vn